

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Tâm

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa:** Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị T ; nơi cư trú: Thôn Z, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T1 ; nơi cư trú: Thôn Z, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lâm Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20-11-1997 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu và có 03 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên vợ chồng đã xảy ra xô sát, bất hòa. Do các con còn nhỏ

nên chị đã nhẫn nhịn chịu đựng, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Từ tháng 3/2022 đến nay chị đã đưa con nhỏ về gia đình chị ở cùng thôn sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T1 .

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn T1 có 03 con chung là Phạm Thị T2, sinh ngày 03-5-1998, Phạm K L, sinh ngày 07-8-2003 hiện nay đã trưởng thành và Phạm G B, sinh ngày 23-3-2015. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con Phạm G B cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh T1 .

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình xét xử, anh Phạm Văn T1 xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Lâm Thị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu và có ba con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Chị T đã đưa con về gia đình chị ở cùng thôn sinh sống. Anh đã tìm chị T , tuy nhiên chị không trở về đoàn tụ cùng anh. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Lâm Thị T có 03 con chung là Phạm Thị T2, sinh ngày 03-5-1998, Phạm K L, sinh ngày 07-8-2003 hiện nay đã trưởng thành và Phạm G B, sinh ngày 23-3-2015. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con Phạm G B cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị T .

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ và các hoạt động tố tụng khác. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1. Về con chung: Giao con Phạm G B, sinh ngày 23-3-2015 cho chị Lâm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh T1 tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Lâm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn Z, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 20-11-1997, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có ba con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay chị T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn với anh T1. Tại phiên tòa, anh T1 xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh đồng ý. Qua xác minh thì thấy vợ chồng chị T và anh T1 có mâu thuẫn, từ tháng 3 năm 2022 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu thuận tình ly hôn của chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 có ba con chung là Phạm Thị T2, sinh ngày 03-5-1998, Phạm K L, sinh ngày 07-8-2003 hiện nay đã trưởng thành và Phạm G B, sinh ngày 23-3-2015. Khi ly hôn, chị T và anh T1

cùng đề nghị nghị Tòa án giao con Phạm G B cho anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu đề nghị nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T hiện là giáo viên trường tiểu học xã Giang Biên, huyện VB, thành phố Hải Phòng có nơi ở và thu nhập ổn định, cháu Phạm G B hiện đang ở với chị T được chị chăm sóc nuôi dưỡng và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con Phạm G B, sinh ngày 23-3-2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh T1 tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lâm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 .

2. Về con chung: Giao con chung Phạm G B, sinh ngày 23-3-2015 cho chị Lâm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00022309 ngày 04 tháng 7 năm 2022. Chị Lâm Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã TL huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**